

DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
Khóa thi: ngày 16/10/2021

(theo quyết định số: 45 /QĐ/TTNNTH, ngày 19 tháng 10 năm 2021)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lý thuyết	Thực hành	Đánh giá
1	21CB2534	Lê Đức Ánh	10/06/1985	Đà Nẵng	Nam	Kinh	6.0	8.0	Đạt
2	21CB2473	Phạm Thị Đàm	01/10/1995	Quảng Nam	Nữ	Gié Triêng	6.0	8.0	Đạt
3	21CB2474	Nguyễn Thanh Danh	15/09/1993	Quảng Nam	Nam	Kinh	6.0	7.5	Đạt
4	21CB2510	Phan Thị Kim Dung	10/12/1981	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	6.0	8.0	Đạt
5	21CB2511	Đinh Ngọc Dũng	20/11/1985	Đà Nẵng	Nam	Kinh	6.0	8.5	Đạt
6	21CB2475	Huỳnh Thị Giúp	17/01/1974	Quảng Nam	Nữ	Kinh	6.0	8.5	Đạt
7	21CB2476	Phan Văn Hà	19/11/1987	Quảng Nam	Nam	Kinh	6.0	7.0	Đạt
8	21CB2477	Trần Xuân Hải	05/11/1980	Quảng Nam	Nam	Ve	6.0	7.0	Đạt
9	21CB2512	Hồ Hàng	02/05/1979	Đà Nẵng	Nam	Kinh	6.0	8.5	Đạt
10	21CB2513	Nguyễn Thị Minh Hảo	02/09/1983	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	6.3	9.0	Đạt
11	21CB2478	Lê Văn Hiếu	15/05/1996	Quảng Nam	Nam	Kinh	6.0	7.5	Đạt
12	21CB2514	Trần Hùng	04/10/1982	Đà Nẵng	Nam	Kinh	6.0	9.0	Đạt
13	21CB2479	Bùi Nguyễn Tiến Huy	10/06/1999	Quảng Nam	Nam	Kinh	7.3	8.0	Đạt
14	21CB2480	ARâl Thị Ích	08/08/1993	Quảng Nam	Nữ	Cơ Tu	7.0	6.5	Đạt
15	21CB2481	Nguyễn Hồ Nhật Khánh	01/01/1999	Quảng Trị	Nam	Kinh	7.3	8.5	Đạt
16	21CB2482	Hồ Thị Lai	03/08/1992	Quảng Nam	Nữ	Cadon	6.0	7.5	Đạt
17	21CB2483	Trương Thị Lài	21/03/1991	Quảng Nam	Nữ	Kinh	6.0	7.0	Đạt
18	21CB2515	Thái Thị Phi Lân	26/04/1980	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	6.0	8.5	Đạt
19	21CB2484	Võ Thị Lệ	20/10/1998	Quảng Nam	Nữ	Kinh	6.0	7.5	Đạt
20	21CB2516	Lê Thị Kim Liên	25/01/1985	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	6.0	8.5	Đạt
21	21CB2485	Hồ Văn Liễu	07/05/1997	Quảng Nam	Nam	Cadon	6.0	7.5	Đạt
22	21CB2487	Nguyễn Thị Kim Long	05/07/1984	Quảng Nam	Nữ	Kinh	6.3	7.5	Đạt
23	21CB2488	Đa Lây Thị Ly	29/01/1990	Quảng Nam	Nữ	Cơ Tu	6.0	7.5	Đạt
24	21CB2517	Trần Thị Lý	15/07/1979	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	6.0	8.5	Đạt
25	21CB2489	Đặng Ngọc Thiên Ngân	18/09/1992	Quảng Nam	Nữ	Kinh	6.0	7.5	Đạt
26	21CB2490	Dương Văn Nghĩa	01/01/1987	Quảng Nam	Nam	Kinh	6.0	6.5	Đạt

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lý thuyết	Thực hành	Đánh giá
27	21CB2519	Ngô Thị Minh Ngọc	24/08/1979	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	6.0	7.5	Đạt
28	21CB2518	Nguyễn Tuấn Ngọc	20/12/1982	Đà Nẵng	Nam	Kinh	6.3	9.0	Đạt
29	21CB2520	Đỗ Minh Nguyên	13/09/1973	Đà Nẵng	Nam	Kinh	6.0	7.5	Đạt
30	21CB2491	Trần Lệ Nguyệt	09/11/1997	Quảng Nam	Nữ	Kinh	8.7	6.0	Đạt
31	21CB2521	Phùng Thị Minh Nguyệt	28/11/1986	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	6.3	9.0	Đạt
32	21CB2492	Trần Thị Thanh Nhân	21/03/2000	Quảng Nam	Nữ	Kinh	9.0	6.0	Đạt
33	21CB2522	Nguyễn Đình Phú	05/06/1980	Đà Nẵng	Nam	Kinh	6.0	7.0	Đạt
34	21CB2493	ZoRâm Thị Son	18/05/1991	Quảng Nam	Nữ	Tà-ì-êng	6.0	7.5	Đạt
35	21CB2494	Võ Thị Tám	01/01/1970	Quảng Nam	Nữ	Kinh	6.0	6.0	Đạt
36	21CB2495	Nguyễn Thị Xuân Tâm	26/08/1993	Quảng Nam	Nữ	Kinh	7.0	6.5	Đạt
37	21CB2523	Nguyễn Văn Tâm	10/03/1968	Đà Nẵng	Nam	Kinh	6.0	7.5	Đạt
38	21CB2524	Cao Văn Tấn	29/10/1985	Đà Nẵng	Nam	Kinh	6.0	9.0	Đạt
39	21CB2496	Coor Thang	09/11/1998	Quảng Nam	Nam	Cơ Tu	5.3	8.0	Đạt
40	21CB2525	Nguyễn Lương Thành	01/01/1980	Đà Nẵng	Nam	Kinh	6.0	7.5	Đạt
41	21CB2497	Nguyễn Thanh Thảo	25/02/2002	Quảng Nam	Nữ	Kinh	8.7	7.5	Đạt
42	21CB2526	Nguyễn Thị Dạ Thảo	25/07/1982	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	6.3	8.5	Đạt
43	21CB2527	Đinh Ngọc Thiên	01/10/1968	Đà Nẵng	Nam	Kinh	6.0	8.0	Đạt
44	21CB2528	Huỳnh Xuân Thuận	30/11/1980	Đà Nẵng	Nam	Kinh	6.0	8.5	Đạt
45	21CB2498	Nguyễn Hoài Thương	27/01/1998	Quảng Nam	Nữ	Kinh	7.0	8.0	Đạt
46	21CB2529	Quách Thị Thanh Thúy	25/08/1983	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	6.0	8.0	Đạt
47	21CB2499	Đỗ Thị Hồng Thủy	12/05/1986	Quảng Nam	Nữ	Kinh	6.7	7.0	Đạt
48	21CB2500	Nguyễn Thị Thùy Trâm	06/10/1989	Quảng Nam	Nữ	Kinh	6.0	7.5	Đạt
49	21CB2501	Lê Thị Thu Trang	08/04/1992	Quảng Nam	Nữ	Kinh	5.7	8.0	Đạt
50	21CB2530	Nguyễn Thị Thu Trang	02/09/1985	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	6.0	8.0	Đạt
51	21CB2531	Nguyễn Chí Trí	08/04/1983	Đà Nẵng	Nam	Kinh	6.7	8.0	Đạt
52	21CB2502	Bùi Thị Triều	07/12/1988	Quảng Nam	Nữ	Kinh	8.3	8.0	Đạt
53	21CB2532	Trần Hữu Trường	10/02/1988	Đà Nẵng	Nam	Kinh	6.0	7.5	Đạt
54	21CB2533	Nguyễn Văn Tú	07/07/1975	Quảng Nam	Nam	Kinh	6.0	8.0	Đạt
55	21CB2504	Võ Quang Tuấn	21/08/1985	Quảng Nam	Nam	Kinh	6.0	5.5	Đạt
56	21CB2506	Huỳnh Thị Ngọc Uyên	16/06/1996	Quảng Nam	Nữ	Kinh	8.0	8.5	Đạt
57	21CB2507	Phạm Thanh Vũ	27/10/1994	Quảng Nam	Nam	Kinh	6.0	8.0	Đạt

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Lý thuyết	Thực hành	Đánh giá
58	21CB2508	Võ Thị Huyền Vy	16/10/1998	Quảng Nam	Nữ	Kinh	6.0	7.5	Đạt
59	21CB2509	Trịnh Quế Xuyên	20/04/1995	Quảng Nam	Nữ	Kinh	6.0	7.5	Đạt

Danh sách này có: 59(thí sinh)